

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2024/HC-PT

Ngày 29 tháng 5 năm 2024.

V/v: “Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Lê Thành Long

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 149/2024/TLPT-HC ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 100/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1432/2024/QĐPT-HC ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn T, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người bị kiện: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Hồng V, chức vụ: Phó Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Trần Quý H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý thu – Sở, T1 (có mặt).

- Bà Trần Thị T2, chức vụ: Phó Trưởng phòng chế độ bảo hiểm xã hội (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn T trình bày:

Ông làm Phó trưởng Công an xã B, huyện T liên tục từ tháng 7 năm 1984 đến tháng 12 năm 1989, được hưởng phụ cấp hàng tháng theo Quyết định số 119/QĐ-UBNDH ngày 13/7/1984 và Quyết định số 490/QĐ/UB-TL ngày 05/11/1984 của Ủy ban nhân dân huyện T. Từ năm 1990 đến nay, ông là Trưởng Công an xã, hiện nay là Bí thư Đảng ủy xã B. Ông yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B cộng nối thời gian từ năm 1984 đến năm 1989 vào để tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội nhưng Bảo hiểm xã hội tỉnh B không chấp nhận yêu cầu của ông với lý do chức danh phó trưởng công an xã không phải là cán bộ chuyên trách. Ngày 03/12/2021, ông có đơn hỏi Bảo hiểm xã hội Việt Nam về vấn đề trên. Ngày 04/01/2022, B có Công văn số 06/BHXX-TST trả lời: căn cứ quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 8 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH, ngày 27/5/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định 92/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, trường hợp ông T giữ chức danh Phó Trưởng Công an xã từ tháng 7/1984 đến tháng 12/1989 nếu có trong định biên được phê duyệt, hưởng sinh hoạt phí của chức danh này mà không phải thuộc một trong các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (nếu có thời gian gián đoạn trước tháng 1/1998 không quá 12 tháng) thì được tính thời gian để hưởng chế độ BHXH theo quy định. Ngày 17/8/2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh B có văn bản số 1511 trả lời ông là: “Thời gian giữ chức danh Phó Trưởng Công an xã B từ tháng 7/1984 đến tháng 12/1989 của ông T không được tính là thời gian để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội”. Ngày 30/8/2022, ông khiếu nại văn bản số 1511 ngày 17/8/2022 đến Giám đốc bảo hiểm xã hội tỉnh B. Ngày 29/9/2022, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1319/QĐ-BHXX không chấp nhận khiếu nại của ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1319/QĐ-BHXX ngày 29/9/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Người bị kiện, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày ý kiến tại Văn bản số 101/BHXX-QLTST ngày 19/01/2023: Ông T có văn bản hỏi về chế độ bảo hiểm của ông thời điểm từ tháng 7/1984 đến tháng 12/1989 thì BHXH có tiếp nhận và trả lời, căn cứ Thông tư liên tịch số 03 ngày 27/5/2010 của Bộ N, Bộ T3, Bộ L hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92 ngày 22/10/2009 của Chính phủ, Bảo hiểm xã hội tỉnh B hướng dẫn ông T cung cấp hồ sơ để giải quyết chế độ. Sau đó, ông T cũng cung cấp hồ sơ theo hướng dẫn nhưng có nội dung cần ông T chứng minh ông là trường hợp cán bộ, công chức thực hiện chuyên trách thì ông T không thuộc trường hợp này nên không chứng minh được. Do đó, trường hợp của ông T là không được xem xét giải quyết nên người bị kiện không đồng ý yêu

cầu khởi kiện của ông T và giữ nguyên Quyết định số 1319/QĐ-BHXXH ngày 29/9/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 100/2023/HC-ST ngày 26/9/2023/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

- Khoản 5 Điều 3 Nghị định 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn; Mục I Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ về chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã; Điều 9, Điều 12 Nghị định 40/1999/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 1999 về Công an xã; Khoản 9 Điều 38 Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

- Hủy Công văn số 1511/BHXXH-CST ngày 17/8/2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn T.

- Hủy Quyết định 1319/QĐ-BHXXH ngày 29/9/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T (lần đầu).

Buộc Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B phải giải quyết chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định người bị kiện là Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 17/8/2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh B có Công văn số 1511/BHXXH-CST trả lời cho ông T với nội dung: chức danh Phó Trưởng Công an xã là người hoạt động không chuyên trách nên thời gian ông T giữ chức danh Phó Trưởng Công an xã B từ tháng 7/1984 đến tháng 12/1989 không được tính là thời gian để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Ông T khiếu nại Công văn số 1511/BHXXH-CST. Ngày 29/9/2022, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B ban hành Quyết định số 1319/QĐ-BHXXH về giải quyết khiếu nại (lần đầu) không chấp nhận khiếu nại của ông T.

[2] Xét đơn kháng cáo của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Quá trình công tác của ông T thể hiện.

Ông Nguyễn T giữ chức danh Phó Trưởng Công an xã B từ tháng 7 năm 1984 đến tháng 12 năm 1989, được hưởng phụ cấp hàng tháng theo Quyết định số 119/QĐ-UBNDH ngày 13/7/1984 và Quyết định số 490/QĐ/UB-TL ngày 05/11/1984 của Ủy ban nhân dân huyện T. Từ năm 1990 đến nay, ông T giữ chức danh Trưởng Công an xã và sau đó là Bí thư Đảng ủy xã B. Ông T yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B cộng nối thời gian từ tháng 7 năm 1984 đến tháng 12 năm 1989 để tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội nhưng không được bảo hiểm tỉnh Bình Thuận chấp nhận.

[2.2] Về căn cứ để xem xét ông T có thuộc trường hợp để được cộng nối thời gian đóng bảo hiểm xã hội hay không? Xét thấy:

Ngày 04/01/2022, B có Công văn số 06/BHXXH-TST trả lời: căn cứ quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 8 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH, ngày 27/5/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định 92/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, trường hợp ông T giữ chức danh Phó Trưởng Công an xã thời gian từ tháng 7/1984 đến tháng 12/1989 nếu có trong định biên được phê duyệt, hưởng sinh hoạt phí của chức danh này mà không phải thuộc một trong các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (nếu có thời gian gián đoạn trước tháng 01/1998 không quá 12 tháng) thì được tính thời gian để hưởng chế độ BHXH theo quy định.

Việc tính thời gian hưởng bảo hiểm xã hội đối với cán bộ xã trước ngày 01/01/1998 được quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ: “*Những người đã có thời gian làm cán bộ cấp xã trước ngày 01 tháng 01 năm 1998, nếu trong thời gian công tác này mà đảm nhiệm chức danh có quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP được điều động, tuyển dụng*

vào quân đội nhân dân, công an nhân dân hoặc vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì thời gian đảm nhiệm chức danh trước ngày 01 tháng 01 năm 1998 nếu chưa được tính hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.”

Trước Nghị định 33/2023/NĐ-CP, nội dung trên đã được quy định tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 (sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định 92/2009/NĐ-CP về giải quyết tồn tại đối với cán bộ xã trước năm 1998).

Thông tư số 24/2013/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2013 Bộ L - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định 29/2013/NĐ-CP quy định:

Điều 2: Thông tư này áp dụng đối với người lao động đảm nhiệm các chức danh (kể cả cán bộ cấp xã có thời gian đảm nhiệm chức danh khác có trong định biên được phê duyệt thuộc Ủy ban nhân dân) có quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ).

Khoản 1 Điều 4: Người lao động quy định tại Điều 2 Thông tư này nếu chưa được tính hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần thì thời gian đảm nhiệm các chức danh có quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 1998 được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội để cộng nối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội sau khi được điều động, tuyển dụng vào quân đội nhân dân, công an nhân dân hoặc vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để tính hưởng bảo hiểm xã hội.

Như vậy, trường hợp của ông Nguyễn T thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 9 Điều 38 Nghị định 33/2023/NĐ-CP nên ông T yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B cộng nối thời gian từ tháng 7/1984 đến tháng 12/1989 vào thời gian tính hưởng bảo hiểm xã hội là có căn cứ. Không có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cán bộ xã trước năm 1998 phải là cán bộ chuyên trách mới được cộng nối thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Cơ quan Bảo hiểm xã hội đưa thêm điều kiện “phải là cán bộ chuyên trách” là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện. Bản án sơ thẩm căn cứ vào các quy định của pháp luật, và các văn bản được hướng dẫn thi hành để chấp nhận đơn khởi kiện của ông T là có cơ sở.

Bảo hiểm xã hội tỉnh B kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung của Bản án sơ thẩm nên kháng cáo không được chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 100/2023/HC-ST ngày 26/9/2023/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

- Khoản 5 Điều 3 Nghị định 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn; Mục I Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ về chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã; Điều 9, Điều 12 Nghị định 40/1999/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 1999 về Công an xã; Khoản 9 Điều 38 Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

- Hủy Công văn số 1511/BHXXH-CST ngày 17/8/2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn T.

- Hủy Quyết định 1319/QĐ-BHXXH ngày 29/9/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T (lần đầu).

Buộc Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B phải giải quyết chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0020591 ngày 11/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận, nay được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bình Thuận; (1)
- VKSND tỉnh Bình Thuận; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành

